TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 1 - ĐỒNG THÁP	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 313/2026/DS-ST

Ngày: 03 – 7 - 2026

V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thưa.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Nhung;

2. Bà Bùi Thị Thu Nhi.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Trạng – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đồng Tháp.

Ngày 03 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 161/2026/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2026 về tranh chấp *"Hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 401/2026/QĐXX-ST ngày 22 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 341/2026/QĐST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ;

Địa chỉ: số A T, phường H, Thành phố Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc L – Chức vụ: Tổng Giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh M;

(Theo văn bản ủy quyền số 9082/QĐ-BIDV ngày 22/10/2025 của Tổng Giám Đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ);

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Ngô Chí C – Chức vụ: Phó Trưởng phòng khách hàng cá nhân Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh M (xin vắng mặt).

(Theo văn bản ủy quyền ngày 13/01/2026).

2. Bị đơn: Chị Huỳnh Ngọc H, sinh năm: 1984; CCCD số: 082184002468; Địa chỉ: số C khu phố E, phường T, tỉnh ĐồngTháp. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày*:

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (gọi tắt là Ngân hàng B) và chị Huỳnh Ngọc H ký các hợp đồng tín dụng gồm:

- Ngày 28/9/2023 ký hợp đồng tín dụng số: 01/2023/563449/HĐTD: số tiền vay: 50.000.000 đồng, phương thức trả nợ lãi, gốc: trả vào ngày 05 tây định kỳ hàng tháng, khoản vay tín chấp, không có tài sản đảm bảo. Hiện tại khoản vay này của chị H đã trả được 14.285.712 đồng tiền gốc, còn nợ lại 35.714.288 đồng tiền gốc và 3.485.875 đồng tiền lãi, tổng cộng 39.200.163 đồng.

- Ngày 23/9/2024 ký đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số: 01/2024/563449/HĐPHTTD: số tiền vay là 30.000.000 đồng, phương thức trả nợ lãi, gốc: trả vào ngày 23 tây định kỳ hàng tháng, khoản vay tín chấp, không có tài sản đảm bảo. Hiện tại khoản vay này của chị H còn nợ lại 29.952.031 đồng tiền gốc và 4.311.034 đồng tiền lãi, tổng cộng 34.263.065 đồng.

- Ngày 04/12/2024 ký hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 01/2024/563449/HĐTD: hạn mức thấu chi được cấp 35.000.000 đồng, phương thức trả nợ lãi, gốc: trả vào ngày 28 tây định kỳ hàng tháng, khoản vay tín chấp, không có tài sản đảm bảo. Hiện tại khoản vay này của chị H đã trả được 51.457 đồng tiền gốc, còn nợ lại 34.948.543 đồng tiền gốc và 3.474.436 đồng tiền lãi, tổng cộng 38.422.979 đồng.

Sau khi ký kết các hợp đồng tín dụng trên, chị H đã không thực hiện đúng việc trả nợ như thỏa thuận được hai bên ký kết. Do quyền lợi bị xâm phạm nên Ngân hàng yêu cầu chị H trả tổng cộng 03 khoản vay với số tiền 111.886.025 đồng sau khi án có hiệu lực pháp luật. Sau ngày 03/7/2026 nếu chị H chậm thanh toán còn phải trả thêm tiền lãi và lãi chậm trả phát sinh của các hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ.

** Bị đơn chị Huỳnh Ngọc H vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn có đơn khởi kiện đối với chị H. Bị đơn có nơi cư trú tại phường T nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đồng Tháp.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện chị H để tranh chấp tiền nợ thẻ tín dụng, nên quan hệ pháp luật là tranh chấp "Hợp đồng tín dụng".

[3]. Về thủ tục tố tụng: Đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; Bị đơn chị H vắng mặt không có lý do dù đã được tống đạt hợp lệ.

Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[4]. Về yêu cầu khởi kiện của đương sự:

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ yêu cầu chị H phải trả 03 khoản vay với tổng số tiền 111.886.025 đồng gốc và lãi tạm tính đến ngày 03/7/2026, thời gian thực hiện sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy giao dịch vay tiền giữa Ngân hàng và chị H là có thật, thể hiện vào các hợp đồng tín dụng cụ thể:

- Ngày 28/9/2023 ký hợp đồng tín dụng số: 01/2023/563449/HĐTD: số tiền vay: 50.000.000 đồng, mục đích vay phục vụ nhu cầu đời sống cá nhân và gia đình, thời hạn vay 84 tháng tính từ ngày 28/9/2023, lãi suất cho vay là 10.9%/năm, áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng 1 lần. Lãi suất điều chỉnh các kỳ sau theo thông báo của B1 tại thời điểm điều chỉnh, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, phương thức trả nợ lãi, gốc: trả vào ngày 05 tây định kỳ hàng tháng, khoản vay tín chấp, không có tài sản đảm bảo.

Hiện tại khoản vay này của chị H đã trả được 14.285.712 đồng tiền gốc, còn nợ lại 35.714.288 đồng tiền gốc và 3.485.875 đồng tiền lãi, tổng cộng 39.200.163 đồng.

- Ngày 23/9/2024 ký đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số: 01/2024/563449/HĐPHTTD: số tiền vay là 30.000.000 đồng, mục đích vay phục vụ nhu cầu đời sống cá nhân và gia đình, lãi suất cho vay là 11.5%/năm, phí phạt chậm thanh toán bằng 4% số tiền chậm thanh toán, phương thức trả nợ lãi, gốc: trả vào ngày 23 tây định kỳ hàng tháng, khoản vay tín chấp, không có tài sản đảm bảo.

Hiện tại khoản vay này của chị H còn nợ lại 29.952.031 đồng tiền gốc và 4.311.034 đồng tiền lãi, tổng cộng 34.263.065 đồng.

- Ngày 04/12/2024 ký hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 01/2024/563449/HĐTD: hạn mức thấu chi được cấp 35.000.000 đồng, mục đích vay phục vụ nhu cầu đời sống cá nhân và gia đình, thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày 04/12/2024, lãi suất cho vay là 9%/năm, áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Lãi suất điều chỉnh các kỳ sau theo thông báo của B1 tại thời điểm điều chỉnh, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, phương thức trả nợ lãi, gốc: trả vào ngày 28 tây định kỳ hàng tháng, khoản vay tín chấp, không có tài sản đảm bảo.

Hiện tại khoản vay này của chị H đã trả được 51.457 đồng tiền gốc, còn nợ lại 34.948.543 đồng tiền gốc và 3.474.436 đồng tiền lãi, tổng cộng 38.422.979 đồng.

Xét thấy sau khi ký kết các hợp đồng tín dụng trên, chị H đã không thực hiện đúng việc trả nợ như thỏa thuận được hai bên ký kết. Do đó, chị H là người vi phạm nghĩa vụ phải thanh toán nợ theo thỏa thuận cho Ngân hàng, vi phạm nghĩa

vụ của bên vay được quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự, nên Ngân hàng khởi kiện chị H để yêu cầu trả 03 khoản vay với tổng số tiền 111.886.025 đồng gốc và lãi là có cơ sở.

Bị đơn chị H đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nhưng chị vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản đối gì đến yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tài liệu, tình tiết, văn bản mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Như vậy chị H đã thừa nhận còn nợ và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Việc cố tình vắng mặt là nhằm kéo dài thời gian trả nợ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Từ những phân tích trên, nhận thấy yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ là có cơ sở nên chấp nhận.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 92; Điều 147, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

- Các Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Buộc chị Huỳnh Ngọc H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ tổng cộng số tiền nợ là 111.886.025 đồng, thời gian trả sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 04/7/2026, chị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng số: 01/2023/563449/HĐTD ngày 28/9/2023, đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số: 01/2024/563449/HĐPHTTD ngày 23/9/2024, hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 01/2024/563449/HĐTD ngày 04/12/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho

vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

- Buộc chị Huỳnh Ngọc H phải chịu 5.594.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- H1 lại cho cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.578.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002903 ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND tỉnh ĐT;
- VKSND KV1;
- THADS tỉnh ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu.

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thưa

TAND KHU VỰC 1
TC3030726.TL.QDBA 2457